Ký bởi: Sở Tài nguyên và Môi trường
Ngày ký: 02-08-2021 07:59:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH-UBND	*Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021*

KẾ HOẠCH
Thu thập, thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021

Triển khai Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu; khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thu thập đầy đủ, toàn diện thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, chuẩn hóa và bảo quản an toàn dữ liệu về tài nguyên và môi trường, từng bước đưa công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đi vào nề nếp, công bố, công khai, cung cấp, khai thác sử dụng thuận tiện, phù hợp cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

- Chuẩn bị dữ liệu đầu vào cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh, phục vụ công tác quản lý Nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm Quốc phòng - An ninh trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước nâng cấp kho lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường thủ công thành kho lưu trữ điện tử, góp phần thực hiện tốt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số giai đoạn 2021- 2025 và Kế hoạch năm 2021của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Thu thập dữ liệu ngành tài nguyên môi trường phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn, theo đúng quy chế quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh và tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Nội dung dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn và có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

- Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản gốc, bản chính gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định; trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

- Việc thực hiện các hoạt động lưu trữ, số hóa hồ sơ, tạo lập cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy trình, nghiệp vụ, quy định, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về tạo lập cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa, chuyển đổi và số hóa tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn đảm bảo thực hiện kế hoạch hiệu quả, dứt điểm từng nội dung gắn với việc sơ kết, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường năm 2021 và các năm tiếp theo. Xây dựng, cập nhật, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tổ chức công bố, cung cấp thông tin kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật; việc Ứng dụng công nghệ thông tin để đảm bảo việc thu thập, xử lý, cập nhật dữ liệu một cách đầy đủ, nhanh chóng, chính xác, đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu.

III. NỘI DUNG

1. DANH MỤC DỮ LIỆU THU THẬP

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND; gồm 13 loại danh mục được quy định cụ thể tại Phụ lục I *(đính kèm Kế hoạch này)*.

2. CÁC HÌNH THỨC CUNG CẤP

- Gửi trực tiếp qua mạng thông tin điện tử (đối với dữ liệu số).

- Gửi dữ liệu bằng văn bản (qua đường văn bản hành chính, qua đường bưu điện).

- Giao nộp dữ liệu trực tiếp.

3. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

3.1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở rà soát toàn bộ hồ sơ tài liệu hiện đang lưu giữ. Thống kê, hoàn thiện mục lục hồ sơ tài liệu thuộc danh mục tài liệu phải giao nộp bao gồm tài liệu trên giấy và tài liệu số thực hiện giao nộp về kho lưu trữ cơ quan theo quy định.

- Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật cần thiết tổ chức tiếp nhận, xử lý toàn bộ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do các

cơ quan, đơn vị và địa phương cung cấp; lưu trữ, cập nhật, quản lý, phục vụ khai thác sử dụng thuận tiện theo quy định.

- Xây dựng, tổng hợp ban hành danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, phối hợp công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Gửi danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và Báo cáo công tác với việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.

- Báo cáo UBND tỉnh về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Thời gian hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 năm 2021.

3.2. Đối với các Sở, ban, ngành

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình tiến hành rà soát tổng hợp về việc quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hình thành trong quá trình hoạt động của đơn vị; thực hiện cung cấp tài liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2021.

3.3. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, Thị xã và Thành phố Buôn Ma Thuột

- Đôn đốc chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, bảo quản, lưu trữ và tu bổ, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn và giao nộp dữ liệu tài nguyên và môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phần theo quy định.

- Chỉ đạo xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn; Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thời gian hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2021.

4. KINH PHÍ

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, các Sở, ngành, địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan đơn vị, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kinh phí thu thập, chỉnh lý, tu bổ, bồi nền, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp tỉnh do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

- Kinh phí thu thập, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tại cấp huyện do ngân sách cấp huyện đảm bảo.

(có Phụ lục II, đính kèm Kế hoạch này)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan chủ trì, tổ chức hướng dẫn các văn bản pháp luật về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

- Hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh năm 2021. Tham mưu thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (nếu cần) nhằm chấn chỉnh kịp thời những sai phạm và xử lý vi phạm, khen thưởng theo quy định.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường lập danh mục và thực hiện việc thu thập, chỉnh lý, số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2021 của cấp tỉnh theo quy định.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh năm 2021 của cấp tỉnh.

- Phối hợp thực hiện kế hoạch, khảo sát tại các cơ quan, đơn vị tại Điểm 2 Phần II của Kế hoạch này và lựa chọn thành phần hồ sơ, tài liệu cần thu thập, trong đó ưu tiên các hồ sơ, tài liệu có giá trị và sử dụng được nhiều mục đích đồng thời phù hợp với kinh phí được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện giao nộp theo kế hoạch.

- Đề xuất trang thiết bị cần thiết (bìa, hộp, cặp đựng hồ sơ, tài liệu, tủ, giá, kệ để hồ sơ tài liệu, ...) đảm bảo đủ điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn tài liệu.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập, chỉnh lý, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh năm 2021 do các cơ quan, đơn vị và địa phương cung cấp.

- Xây dựng, tổng hợp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tham mưu công bố trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và Báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh về Bộ Tài nguyên và Môi trường qua Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường.

- Tham mưu Báo cáo UBND tỉnh về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh trình Hội đồng Nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Căn cứ Kế hoạch này chủ động tổ chức thực hiện và phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt; Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp thông tin, tuyên truyền và phối hợp cập nhật dữ liệu lĩnh vực tài nguyên môi trường trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Phòng Tài nguyên và Môi trường xây dựng, tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường cụ thể hóa trên địa bàn cấp huyện và chỉ đạo thực hiện theo Kế hoạch.

- Cân đối nguồn kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện

- Lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch sau khi được phê duyệt trên địa bàn cấp huyện.

- Phối hợp thực hiện việc khảo sát cụ thể tại các phòng, ban cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để lựa chọn thành phần hồ sơ, tài liệu cần thu thập, trong đó ưu tiên các hồ sơ, tài liệu có giá trị và sử dụng được nhiều mục đích đồng thời phù hợp với kinh phí được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện năm 2021.

- Hướng dẫn các quy trình, thủ tục giao nộp hồ sơ tài liệu đối với cấp huyện.

- Đề xuất trang thiết bị cần thiết (bìa, hộp, cặp đựng hồ sơ, tài liệu, tủ, giá, kệ để hồ sơ tài liệu,...) đảm bảo đủ điều kiện lưu trữ, bảo quản an toàn tài liệu.

- Thực hiện việc cung cấp danh mục dữ liệu và dữ liệu đã được xử lý cho cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước cấp huyện

Tham mưu bố trí kinh phí, thẩm định và thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2021 trên địa bàn huyện đã được phê duyệt.

8. Phòng Quản lý đô thị, Phòng Nội vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thống kê dữ liệu tài nguyên và môi trường đã hoàn chỉnh được hình thành trong quá trình hoạt động cơ quan, đơn vị và giao nộp dữ liệu và cơ sở dữ liệu về Phòng Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các Doanh nghiệp Nhà nước được giao nhiệm vụ nêu trên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tập trung triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề cần trao đổi, các cơ quan, đơn vị liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường (đối với cấp tỉnh) và Phòng Tài nguyên và Môi trường (đối với cấp huyện) để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hà, để B/c);
- Các Sở, ban, ngành liên quan (Phối hợp);
- UBND huyện, Thị xã, Thành phố (để T/h);
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CNTTTNMT thuộc Sở TN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I

DANH MỤC THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND; gồm 13 loại được quy định cụ thể sau:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

a) Hồ sơ đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

b) Các hồ sơ đăng ký biến động; thẩm định; bồi thường giải phóng mặt bằng.

c) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính.

d) Thống kê, kiểm kê đất đai.

đ) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

e) Giá đất và bản đồ giá đất.

g) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

h) Các hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến lĩnh vực đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất.

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn.

c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

d) Quy hoạch các lưu vực sống, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia.

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng.

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước.

h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

i) Tài liệu dự án "Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh giai đoạn 2016-2015 tầm nhìn đến năm 2035"; Tài liệu đề án "Xác định danh mục vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất và bản đồ phân vùng khai thác nước dưới

đất trên địa bàn tỉnh"; Tài liệu dự án "Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt, đề xuất giải pháp quản lý tài nguyên nước mặt trên địa bàn tỉnh".

j) Các tài liệu khác có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất).

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại.

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi toàn tỉnh.

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp.

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam.

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học.

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc tài nguyên và môi trường định kỳ hàng năm.

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản: hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường,

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp.

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.

j) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác.

k) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

l) Các tài liệu khác có liên quan.

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước.

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế.

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn.

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn.

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn.

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

h) Tài liệu dự án "Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về thiên tai và Biến đổi khí hậu".

6. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia.

b) Hệ thống không ảnh.

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia, tỉnh.

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ các cấp.

đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp.

e) Bản đồ hành chính.

g) Bản đồ địa giới hành chính.

h) Bản đồ quy hoạch cụm công nghiệp năm 2020, có xét đến năm 2025 của tỉnh.

i) Dữ liệu địa danh.

j) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm hải đồ; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội.

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính.

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-zôn, bảo vệ tầng ô-zôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-zôn.

đ) Bộ chuẩn khí hậu quốc gia.

e) Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia.

g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ.

h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

8. Thông tin, dữ liệu về viễn thám gồm:

a) Thông tin về cơ sở hạ tầng viễn thám.

b) Dữ liệu viễn thám;

c) Dữ liệu quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường bằng viễn thám;

d) Sản phẩm ảnh viễn thám.

đ) Siêu dữ liệu viễn thám.

e) Bản đồ chuyên đề từ ảnh viễn thám.

9. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

10. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

11. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

12. Hồ sơ, dữ liệu về thủy lợi, kiểm lâm

a) Hồ sơ, dự án ứng phó với hạn hán, khô hạn trên địa bàn tỉnh.

b) Hồ sơ cấp phép khai thác nước (các công trình cấp nước sạch nông thôn và các hồ chứa thủy lợi).

c) Đề án bảo vệ môi trường (cho các công trình cấp nước nông thôn).

d) Dữ liệu về dự án nghiên cứu quy hoạch chi tiết về quản lý khai thác hai khu vực quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học ở tỉnh gồm khu Bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, Hồ Lắk và Buôn Đôn,… theo hướng bảo tồn và phát triển cảnh quan du lịch.

đ) Dữ liệu về dự án xây dựng mô hình quản lý, bảo vệ rừng và sử dụng bền vững dựa vào cộng đồng.

e) Dữ liệu về phương án phòng chống sự cố môi trường do cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

13. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Phụ lục II

KINH PHÍ THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BTNMT ngày 25/10/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Định mức lưu trữ tài liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BTNMT ngày 28/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Ban hành Quy trình và Định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Dự toán kinh phí	Ghi chú
01	Khảo sát đánh giá; kiểm tra, tiếp nhận tài liệu hồ sơ, tài liệu	2021 - 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	55	Hướng dẫn; lập kế hoạch, chuẩn bị tài liệu để tạo lập CSDL, Chuẩn hóa và chuyển đổi dữ liệu
02	Chỉnh lý, bảo quản tài liệu đất đai và phục vụ khai thác thông tin dữ liệu	2021 - 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	135	Vệ sinh kho bảo quản tài liệu (Kho chuyên dụng) 6 tháng/ lần; Bảo quản tài liệu dạng giấy, dạng số, phục chế và thống kê tài liệu; khai thác thông tin theo hình thức gián tiếp/trực tiếp

03	Tạo lập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; xử lý, cập nhật, xây dựng tích hợp CSDL TNMT	2021 - 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	90	Chuyển đổi dữ liệu; quét dữ liệu; nhập đối soát dữ liệu; biên tập dữ liệu; kiểm tra, xử lý tổng hợp CSDL
04	Văn phòng phẩm; trang thiết bị phục vụ lưu trữ, …	2021 - 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	130	